TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2019/DS-ST
Ngày: 10-7-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lệ Quyên

2. Ông Vũ Ngọc Tiến

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Mạnh Thị Tú Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 410/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2018/QĐST- DS ngày 17 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: A, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Nguyễn Hồng Diễm L hoặc ông Trương Anh D

(Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 325/QĐ- .PN ngày 02/8/2018)

- Bị đơn:

Ông Lê Vinh Hoài B, sinh năm 1989.

Bà Phạm Thị Thùy L, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: 178 C, Phường A, Quận S, Thành phố H

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị Thanh E, sinh năm 1971

Địa chỉ: 437/2/33/1 T, Phường 4, quận T, Thành phố H

Bà Huỳnh Lệ K, sinh năm 1984

Địa chỉ: 567/2/6 khu phố 3 tỉnh lộ 10, phường B, quận T, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2018 và tại bản tự khai bà Nguyễn Hồng Diễm L và ông Trương Anh D đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ trình bày như sau:

Ngày 27/4/2017, Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Phú Nhuận (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký với ông Lê Vinh Hoài B và bà Phạm Thị Thùy L hợp đồng tín dụng số 01/2017/9705850/HĐTD. Theo đó, ông B và bà L vay số tiền 7.200.000.000 (bảy tỷ hai trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 240 tháng, mục đích là mua nhà. Để đảm bảo cho khỏan vay này thì cùng ngày hai bên ký tiếp Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9705850/HĐBĐ thế chấp căn nhà số 178 Cao Thắng, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông B và bà L. Ngày 28/4/2017, ông B và bà L rút toàn bộ số tiền vay để thực hiện mục đích vay của mình. Sau khi ngân hàng giải ngân tòan bộ số tiền thì ông B và bà L thì quá trình thực hiện hợp đồng ông B và bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B và bà L trả số tiền còn thiếu tính đến hết ngày 09/7/2019 là 7.911.471.594 (bảy tỷ chín trăm mười một triệu bốn trăm bảy mươi mốt ngàn năm trăm chín mươi bốn) đồng trong đó tiền gốc là 6.860.513.885 (sáu tỷ tám trăm sáu mươi triệu năm trăm mười ba ngàn tám trăm tám mươi lăm) đồng, tiền lãi trong hạn 970.736.955 (chín trăm bảy mươi triệu bảy trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm năm mươi lăm) đồng, tiền lãi quá hạn 15.110.747 (mười lăm triệu một trăm mười ngàn) đồng, lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 65.110.007 (sáu mươi lăm triệu một trăm mười ngàn không trăm lẻ bảy) đồng. Trường hợp ông B và bà L không trả hết nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ. Tiền lãi vẫn được tiếp tục tính cho đến khi ông B và bà L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy L tại các bản tự khai xác nhận có ký hợp đồng tín dụng số : 01/2017/9705850/HDD với Ngân hàng TMCP Đ (đại diện là Chi Nhánh Phú Nhuận) ngày 27/4/2017, và thế chấp căn nhà số 178

Cao Thắng, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với số tiền ông B vay của bà E thì bà hoàn toàn không biết nên không đồng ý trả.

Bị đơn ông Lê Vinh Hoài B có bản tự khai trình bày về yêu cầu độc lập của bà E như sau: Ngày 25/4/2017 bà E có viết giấy ủy quyền lĩnh tiền cho ông đúng như đại diện nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, số tiền 3.000.000.000 đồng này là do ông P vay của bà E và ông chỉ là người bảo lãnh. Nay ông xác nhận ông P đã trả được cho bà E tiền lãi là 225.000.000 đồng và tiền nợ gốc vẫn còn nguyên. Ông đồng ý trả nợ cho bà E nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin được trả dần số nợ trên. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B không có lời khai trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh E quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay trình bày như sau: Bà E là bạn bè quen biết với vợ chồng ông Lê Vinh Hoài B và do ông B là Giám đốc ngân hàng HDBank chi nhánh Bình Thới nên khi ông B hỏi vay tiền thì bà đồng ý. Ngày 25/4/2017, bà E có ký giấy ủy quyền lĩnh tiền cho ông B được nhận số tiền 3.000.000.000 đồng trong tài khoản của bà số 185704070000505 tại ngân hàng HDBank. Hai bên không viết giấy vay mượn tiền nhưng thỏa thuận miệng sau 10 ngày ông B sẽ hoàn trả lại cho bà E toàn bộ số tiền trên. Tuy nhiên, hết thời hạn trả nợ, bà E nhiều lần tìm gặp nhưng ông B không có khả năng trả, hai bên cũng không thỏa thuận được nên bà E khởi kiện. Bà E xác định đây là tiền riêng của bà và số tiền này bà cho ông B vay không liên quan đến vợ ông B nên không yêu cầu vợ ông B cùng liên đới trả nợ. Nay bà E yêu cầu ông B trả lại số tiền nợ gốc còn thiếu sau khi trừ đi số tiền mà ông B đã thanh toán cho bà là 225.000.000(hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng nên ông B phải trả 2.775.000.000 (hai tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu) đồng, tiền lãi theo quy định pháp luật và tiếp tục duy trì quyết định khẩn cấp tạm thời cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Lệ Khanh có bản tự khai trình bày như sau: Bà có thuê căn nhà 178 Cao Thắng, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông B và bà L để mở kinh doanh phương thức làm đẹp. Quá trình thuê bà không đầu tư sửa chữa hay xây dựng mới gì đối với căn nhà này. Trường hợp căn nhà này bị phát mãi thu hồi nợ thì bà sẽ chấp hành theo quy định pháp luật và không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chậm đưa vụ án ra xét xử nên đã vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật, có nộp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như được tham gia tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Tại phiên tòa hôm nay do bị đơn bà L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Khanh có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định pháp luật tiến hành xét xử vắng mặt bà L và bà Khanh. Tuy nhiên, bị đơn ông B mặc dù đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật xét xử vắng mặt ông B.

Về nội dung vụ án, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng tài liệu chứng cứ là Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp có cơ sở chấp nhận yêu cầu nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ còn thiếu theo hợp đồng tín dụng đã ký, cụ thể số tiền do Hội đồng xét xử tính toán.

Đối với yêu cầu độc lập của bà E, xét thấy quá trình giải quyết vụ án ông B có lời khai xác nhận có nhận tiền của bà E và xin được trả dần số tiền trên nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà E. Tại phiên tòa hôm nay bà E xác nhận có nhận của ông B số tiền 225.000.000(hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng nên có cơ sở buộc bị đơn ông B trả lại số tiền gốc còn thiếu là2.775.000.000 (hai tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu) đồng cùng lãi suất theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Hợp đồng tín dụng và lời khai nhận của bị đơn có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp dân sự về hợp vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: do bị đơn ông Lê Vinh Hoài B và bà Phạm Thị Thùy L cư trú tại Quận 10, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]Về tư cách tham gia tố tụng:

[3.1] Xét Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100150619 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016; Giấy chwunsg nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-125 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Chi nhánh Phú Nhuận và Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 325/QĐ-BIDV.PN ngày 02/8/2018 là hợp lệ nên bà Nguyễn Hồng Diễm Lộc hoặc ông Trương Anh Duy có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

[3.2] Xét giấy ủy quyền số công chứng 014568, quyển số 09 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/9/2017 của Văn phòng công chứng Ninh Thị Hiền là ủy quyền hợp lệ, nên ông Nguyễn Hồng Nhân có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án. Tuy nhiên, ngày 20/8/2018, bà E có đơn hủy ủy quyền đối với ông Nhân nên ông Nhân không còn là đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thanh E. Mặc khác, ngày 15/9/2017 bà E có đơn khởi kiện ông B yêu cầu ông B trả số tiền gốc còn thiếu và lãi suất theo quy định pháp luật. Tòa án nhân dân Quận 10 đã ban hành Thông báo thụ lý vụ án số 264/2017/TLST-DS ngày 24/10/2017 xác định bà E là nguyên đơn và ông B là bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án thụ lý số 410/2018/TLST-DS ngày 14/8/2018 do ngân hàng là nguyên đơn và ông B bà L là bị đơn xét thấy tài sản thế chấp là căn nhà 178 Cao Thắng, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thụ lý số 410/2018/TLST-DS ngày 14/8/2018 là đối tượng đang được áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong vụ án thụ lý số: 264/2017/TLST-DS ngày 24/10/2017 và có cùng bị đơn là ông Lê Vinh Hoài B. Do vậy, Tòa án nhân dân Quận 10 ban hành Quyết định nhập vụ án số 423/2018/QĐ-NVA ngày 06/9/2018 nên bà E trở thành người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đối với ông B.

[3.3] Xét đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn bà Phạm Thị Thùy L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Khanh là hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L và bà Khanh theo điểm c, d khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.4] Xét bị đơn ông Lê Vinh Hoài B đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về hình thức và nội dung hợp đồng tín dụng số 01/2017/9705850/HĐTD; hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9705850/HĐBĐ thế chấp căn nhà số 178 Cao Thắng, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh ký cùng ngày 27/4/2017 là hợp lệ nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

[5] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5.1] Về yêu cầu bị đơn thanh tóan số tiền nợ gốc còn thiếu, Hội đồng xét xử nhận thấy và phân tích như sau: Căn cứ hợp đồng tín dụng số 01/2017/9705850/HĐTD ngày 27/4/2017 ký giữa ngân hàng với ông B và bà L và bản kê rút vốn ngày 28/4/2017 cũng như lời xác nhận của bà L có cơ sở xác định ông B và bà L có vay của ngân hàng số tiền 7.200.000.000 (bảy tỷ hai trăm triệu) đồng. Quá trình vay mượn ông B và bà L đã trả được 340.000.000 (ba trăm bốn mươi triệu) đồng tiền gốc. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số nợ gốc 6.860.513.885 (sáu tỷ tám trăm sáu mươi triệu năm trăm mười ba ngàn tám trăm tám mươi lăm) đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5.2] Đối với yêu cầu bị đơn trả các khỏan lãi phát sinh, Hội đồng xét xử nhận thấy và phân tích như sau: theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng tín dụng hai bên thống nhất lãi suất cho vay trong hạn là 7,7%/năm cố định trong 12 tháng đầu, thời gian vay còn lại áp dụng mức lãi suất tiết kiệm tiền gửi cá nhân kỳ hạn 24 tháng trả sau của ngân hàng + 4,1%/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: "Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng". Xét thấy đến kỳ hạn trả nợ phía bị đơn không trả được nợ nên nguyên đơn yêu cầu chuyển toàn bộ dư nợ hiện có của hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định về chuyển nợ quá hạn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng tiền đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, nên Ngân hàng là tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng là không trái pháp luật. Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi trong

hạn tính đến ngày 10/7/2019 là 970.736.955 (chín trăm bảy mươi triệu bảy trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm năm mươi lăm) đồng, tiền lãi quá hạn 15.110.747 (mười lăm triệu một trăm mười ngàn) đồng, lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 65.110.007 (sáu mươi lăm triệu một trăm mười ngàn không trăm lẻ bảy) đồng. Mặc khác, tại Điều 5 Hợp đồng tín dụng quy định về phạt vi phạm khi bên vay không thực hiện đúng các nội dung và thỏa thuận của Hợp đồng cũng như phía bà L cũng thừa nhận vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng nhưng nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán khỏan tiền phạt vi phạm. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên ghi nhận.

[6] Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh E :

[6.1] Yêu cầu buộc bị đơn ông B hoàn trả số tiền gốc còn thiếu, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Căn cứ vào giấy ủy quyền lĩnh tiền ngày 25/4/2017 có xác nhận của ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định giữa ông B và bà E có thực hiện giao dịch liên quan đến số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng. Bà E xuất trình cho Tòa Giấy mượn tiền đề ngày 25/4/2017 do ông Phan Văn Phương ký mượn của bà số tiền trên và ông B chỉ ký tên với tư cách là người bảo lãnh. Quá trình giải quyết vụ án, ông B có lời khai xác nhận chính ông B là người nhận trực tiếp từ bà E số tiền 3.000.000.000 đồng. Đối với giấy nhận tiền trên do ông B trao cho bà E, bản thân ông B và bà E đều không biết ông Phan Văn Phương là ai. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông P tại Công an xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông P bỏ đi khỏi địa phương không rõ đi đâu từ năm 2015. Bà E xác định chỉ cho ông B mượn tiền không phải cho ông P mượn theo Giấy mượn tiền nêu trên và cũng không giữ bất kỳ giấy tờ nào liên quan đến tài sản bảo đảm được nêu trong Giấy mượn tiền trên. Nhận thấy, ông B quá trình giải quyết vụ án có đơn yêu cầu Tòa án buộc ông P hoàn trả cho ông số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng để ông thực hiện nghĩa vụ bảo đảm trả nợ thay cho ông P nhưng không làm đơn yêu cầu cũng như không đóng tiền tạm ứng án phí dù đã được nghe Tòa giải thích theo biên bản giải thích lập ngày 27/7/2018. Do đó, không có cơ sở xem xét yêu cầu của ông B và trường hợp ông B có yêu cầu thì sẽ xem xét giải quyết trong vụ án khác. Ngày 02/5/2017 ông B đã trả cho bà E được 225.000.000 (hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng và bà đồng ý trừ vào số tiền gốc còn thiếu.Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà E buộc ông B trả số tiền gốc là 2.775.000.000 (hai tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu) đồng.

[6.2] Yêu cầu bị đơn trả lãi theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Theo giấy mượn tiền ngày 25/4/2017 thỏa thuận mức lãi suất cho vay là 0,25%/ngày nhưng như phân tích tại phần [6.1] thì giấy vay tiền trên không phải do bà E và ông B thỏa thuận và tự nguyện xác lập giao dịch theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 117 Bộ luật Dân sự nên không có cơ sở xem xét mức lãi suất này. Tại bản tự khai của ông B xác nhận đưa cho bà E số tiền lãi

225.000.000(hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng và tại phiên tòa hôm nay bà E xác định có nhận số tiền trên và trừ vào số nợ gốc còn thiếu, xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên ghi nhận. Từ phân tích trên có cơ sở xác định các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ mức lãi suất nên mức lãi suất sẽ được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 10 ngày và bà E nhận được số tiền 225.000.000(hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng vào ngày 05/5/2017 và chỉ yêu cầu ông B trả lãi từ ngày 06/5/2017, do đó số tiền lãi được tính như sau:

- Lãi trên nợ gốc tính từ ngày 06/5/2017 đến ngày 10/7/2019 là : (2.775.000.000 đồng x 0,027%/ngày) x 855 ngày = 640.608.750 đồng

[7] Án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Vinh Hoài B và bà Phạm Thị Thùy L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 7.911.471.594 (bảy tỷ chín trăm mười một triệu bốn trăm bảy mươi mốt ngàn năm trăm chín mươi bốn) đồng trong đó tiền gốc là 6.860.513.885 (sáu tỷ tám trăm sáu mươi triệu năm trăm mười ba ngàn tám trăm tám mươi lăm) đồng, tiền lãi trong hạn 970.736.955 (chín trăm bảy mươi triệu bảy trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm năm mươi lăm) đồng, tiền lãi quá hạn 15.110.747 (mười lăm triệu một trăm mười ngàn) đồng, lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 65.110.007 (sáu mươi lăm triệu một trăm mười ngàn không trăm lẻ bảy) đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/9705850/HĐTD ngày 27/4/2017.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 10/7/2019 cho đến khi ông B và bà L thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng số 01/2017/9705850/HĐTD ngày 27/4/2017.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Nếu trong hạn nêu trên ông B và bà L trả hết nợ thì ngân hàng có nghĩa vụ làm thủ tục giải chấp và trả toàn bộ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH00714 do Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp ngày 02/01/2014 cho ông B và bà L đối với căn nhà 178 Lý Chính Thắng, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp ông B và bà L chưa trả tiền thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ cho ngân hàng.

[2] Xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh E:

Buộc ông Lê Vinh Hoài B thanh toán cho bà E số tiền 3.415.608.750 (ba tỷ bốn trăm mười lăm triệu sáu trăm lẻ tám ngàn bảy trăm năm mươi) đồng. Trong đó tiền gốc là 2.775.000.000 (hai tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu) đồng và lãi là 640.608.750 (sáu trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm lẻ tám ngàn bảy trăm năm mươi) đồng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: 115.911.471 (một trăm mười lăm triệu chín trăm mười một ngàn bốn trăm bảy mươi mốt) đồng, ông Lê Vinh Hoài B và bà Phạm Thị Thùy L chịu.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.566.416 (năm mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn bốn trăm mười sáu) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016168 ngày 09/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: 100.312.175 (một trăm triệu ba trăm mười hai ngàn một trăm bảy mươi lăm) đồng ông Lê Vinh Hoài B chịu.

Trả lại cho bà Trần Thị Thanh E số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.000.000 (bốn mươi sáu triệu) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001778 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Nhàn